

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27/9/2022

V/v “*Tranh chấp cấp dưỡng
nuôi con chung sau khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Trang.

2. Ông Nguyễn Thế Vinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Loan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin: Ông Trương Quang Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 126/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2022 về việc “*Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Buôn T, xã HĐ, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969 (vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt). Nơi đăng ký HKTT: Thôn x, xã E, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Chỗ ở hiện nay: Buôn PB, xã E, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 01/6 /2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:* Trước đây, tôi và ông Nguyễn Văn Đ là vợ chồng. Do mâu thuẫn nên chúng tôi đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 90/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Về con chung, giao cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 22/5/2017 cho tôi trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Từ khi ly hôn cho đến nay, ông Nguyễn Văn Đ

không làm tròn nghĩa vụ của người cha đối với con kể từ ngày có quyết định ly hôn, không góp tiền cấp dưỡng cho tôi để nuôi con chung.

Nay tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Nguyễn Văn Đ phải đóng tiền cấp dưỡng để nuôi cháu Nguyễn Hải Đ, kể từ ngày 28/11/2018 cho đến khi cháu Đ đến tuổi trưởng thành, mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) và yêu cầu phải cấp dưỡng một lần cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:* Trước đây, tôi có vợ tên là Trần Thị N, sinh năm 1971. Vợ chồng có 04 con chung tên là Nguyễn Thị ML, sinh năm 1993; Nguyễn Thị MLu, sinh năm 1999; Nguyễn Thị MY, sinh năm 2003 và cháu Nguyễn Thị HV, sinh năm 2009. Do vợ tôi bị bệnh tim bẩm sinh, gia đình đã chữa trị nhiều nơi nhưng vẫn không cứu vãn nổi, tháng 4/2013 vợ tôi chết để lại cho tôi một mình nuôi 04 con nhỏ.

Đến năm 2015 tôi gặp bà Nguyễn Thị T, tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện Cư Kuin. Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 22/5/2017. Do áp lực trong cuộc sống nên tôi và bà T ly hôn, theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 90/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Về con chung, giao cháu Nguyễn Hải Đ cho bà T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị T không yêu cầu tôi phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Nhiều lần tôi trực tiếp đến thăm con chung tại nhà bà T, nhưng bà T không cho thậm chí còn gọi em trai là Nguyễn Công S khóa cổng lại, dùng dao, búa đánh đập tôi gây thương tích, sự việc đã được công an huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk giải quyết.

Nay tôi thấy bà T làm đơn yêu cầu tôi cấp dưỡng để nuôi con, thì tôi thấy quá bất ngờ. Vì trước khi ly hôn, chúng tôi thỏa thuận các vấn đề về tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, mặc dù chúng tôi ly hôn nhưng vẫn còn tình nghĩa là có 01 con chung ràng buộc, việc đóng góp một phần kinh tế để nuôi con chung đến tuổi trưởng thành là điều nên làm.

Hiện nay, do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, không có công ăn việc làm ổn định, mức thu nhập không có. Một mình tôi nuôi 04 con chung của đời vợ trước, và nay cộng thêm cháu Nguyễn Hải Đ thì một mình tôi không thể xoay sở được. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án cho tôi phụ cấp để cấp dưỡng cùng bà T mỗi tháng là 500.000 đồng (*năm trăm ngàn đồng*) để nuôi cháu Đ, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước

thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà Nguyễn Thị T để nuôi cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 22/5/2017 theo quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Hải Đ đủ 18 (mười tám) tuổi.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Nguyễn Thị T khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, đây là quan hệ tranh chấp về cấp dưỡng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có nơi cư trú tại buôn PB, xã E, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Căn cứ vào khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết và xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Xét thấy, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Trên cơ sở lời trình bày của đương sự, cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 90/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk quyết định: “Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 22/5/2017 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ phải cấp dưỡng để nuôi con chung.”

Tại khoản 2 Điều 82 luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Do ông Nguyễn Văn Đ không trực tiếp nuôi con, nên phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng để nuôi con là cần thiết. Xét điều kiện của ông Nguyễn Văn Đ và qua xác minh hoàn cảnh kinh tế của ông Đ, đại diện chính quyền địa phương cho biết: “*Ông Nguyễn Văn Đ đang sinh sống tại địa phương, một mình nuôi 04 con nhỏ. Hiện tại ông Đ không có công ăn việc làm,*

đất ruộng, đất rẫy không có. Nguồn thu nhập chủ yếu do 02 con Nguyễn Thị ML và Nguyễn Thị MLu cung cấp. Ngoài ra ông Đ không có nguồn thu nhập nào khác”.

Do ông Nguyễn Văn Đ không có công ăn, việc làm và bà T không chứng minh được ông Đ có thu nhập ổn định hay có công việc nhất định để có kinh tế. Mức chi phí mà bà T yêu cầu ông Đ cấp dưỡng là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng và yêu cầu cấp dưỡng một lần kể từ ngày 28/11/2008 (ngày Tòa án ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn) để nuôi cháu Nguyễn Hải Đ là quá khả năng kinh tế của ông Đ, bởi mức thu nhập hàng tháng của ông Đ không có, các chi phí phải chi tiêu sinh hoạt hàng ngày của ông Đ đều do các con cung cấp. Để đảm bảo cuộc sống của người phải cấp dưỡng nuôi con và người trực tiếp nuôi con cũng như lợi ích hợp pháp về mọi mặt cho con phù hợp với thực tế. Do đó Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình thì “*mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng*”. Theo quy định của pháp luật, mức cấp dưỡng cho con không được thấp hơn 1/2 mức lương tối thiểu. Hiện tại, mức lương cơ sở áp dụng tại Nghị định 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 là 1.490.000 đồng/tháng. Do đó, với khả năng của ông Đ cùng các điều kiện, thu nhập thực tế và nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của ông Đ thì có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, mức cấp dưỡng cho con của ông Nguyễn Văn Đ đối với cháu Nguyễn Hải Đ là 745.000 đồng/tháng là phù hợp. Việc cấp dưỡng được thực hiện theo định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Hải Đ đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2, Điều 82; Điều 107; 110; 116 117 và 119 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a, khoản 6, Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, yêu cầu cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn đối với ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 22/5/2017 số tiền là 745.000 đồng/tháng (*bảy trăm, bốn mươi lăm ngàn đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Hải Đ đủ 18 (*mười tám*) tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi Cục THADS huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thành

[2] Về nội dung:

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng: Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 291/QĐST-HNGĐ ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện XM, thì về con chung: Ông T và bà P có 03 người con chung tên Cao Tuyết N, sinh ngày: 27/10/2009; Cao Minh Đ, sinh ngày: 02/3/2012 và Cao Diễm T, sinh ngày: 25/8/2016. Bà Trần Thị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, Ông Cao Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu, mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Tổng cộng 03 cháu 9.000.000đ/tháng. Việc thực hiện cấp dưỡng vào ngày 28 dương lịch hàng tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Tuy nhiên, do công việc làm ăn của ông T gặp nhiều khó khăn trước đây ông T là chủ xưởng mộc nhưng nay ông T phải đi làm thuê cho các xưởng mộc tại địa phương, thu nhập trung bình mỗi tháng của ông T là khoảng 8.000.000đ ngoài ra ông T còn chi phí cho cuộc sống cá nhân do đó ông T yêu cầu được thay đổi mức

cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu từ 3.000.000đ/tháng/cháu thành 2.000.000đ/tháng/cháu. Xét lời trình bày của ông T phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương: hiện tại ông T đang làm thuê cho các xưởng mộc tư nhân

tại địa phương, do tình hình khó khăn chung nên các xưởng mộc cũng gặp nhiều khó khăn, sản phẩm làm ra không nhiều như trước đây.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình thì “mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng”. Quá trình giải quyết vụ án, do

ông T là lao động tự do nên không thể cung cấp được bản lương cho Tòa án nhưng

ông T thừa nhận thu nhập trung bình mỗi tháng là 8.000.000đ, ngoài ra không còn khoản thu nhập nào khác, mức thu nhập của ông T phù hợp với mức thu nhập trung bình hàng tháng của thợ mộc được xác minh tại địa phương.

Theo quy định của pháp luật thì mức cấp dưỡng không được thấp hơn 1/2 mức lương tối thiểu. Mức lương cơ sở hiện áp dụng tại Nghị định 38/2019/NĐ -CP ngày 09/5/2019 là 1.490.000đ/tháng. Do đó với thu nhập bình quân của ông T, cùng các điều kiện, thu nhập thực tế giảm sút của ông T và nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của cá nhân ông T thì có cơ sở chấp nhận yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con của ông T đối với 03 con chung từ 3.000.000đ/tháng/cháu thành 2.000.000đ/tháng/cháu. Việc cấp dưỡng được thực hiện theo định kỳ hàng tháng, vào ngày 28 dương lịch hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

[3]

42.1.

Tại Quyết định số 435 ngày 06/11/2020, của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, về việc công nhận thuận tình ly hôn, quyết định: “Về con chung: vợ chồng anh H chị T có 01 con chung là Nguyễn Hải A, sinh ngày 11/8/2005. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị giao cháu hải A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh H cấp dưỡng nuôi con chung là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 11/2020 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh H được quyền qua lại thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản”. Khoản 2 Điều 82 quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ

cấp dưỡng cho con». Anh H không trực tiếp nuôi con nên phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con là cần thiết. Xét điều kiện thực tế của anh H, anh H khai là không có công ăn việc làm và chị T không chứng minh được anh H có thu nhập ổn định hay có công việc nhất định để có kinh tế. Mức chi phí 20.000.000đ/tháng để cấp dưỡng nuôi cháu A là quá khả năng kinh tế của anh H, bởi mức lương tối thiểu của công chức dưới 3.000.000đ/tháng, phải chi tiêu sinh hoạt hàng ngày và thực hiện nghĩa vụ làm con chưa kể. Trong khi, chị T đã được mời đến Tòa án để hòa giải, để được nêu ra quan điểm cùng thống nhất về mức cấp dưỡng nuôi con sao cho phù hợp thì chị T lại không đến tòa án, không có thiện chí đưa ra mức phí phù hợp và không cung cấp được chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa, chị T có mặt, thừa nhận việc không có thiện chí hòa giải; chị vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu anh H tiếp tục cấp dưỡng nuôi con 20.000.000đ/tháng cho đến khi cháu

theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình: “Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”.

[3] Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ tiền thay đổi cấp dưỡng nuôi con quy định tại Nghị Quyết 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

:

Căn cứ các Điều 81, 82, 83; 107, 110, 116 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cụ thể:

Buộc anh Nguyễn Mạnh H phải trợ cấp nuôi cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 11/8/2005 do chị Nguyễn Thu T nhận, số tiền là 3.000.000đ/tháng, kể từ tháng 02/2022 đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

4. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ án phí thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai, Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

-

Nguyên đơn, bị đơn;

-

TAND TP. Hà Nội;

-

VKSND Q. Bắc Từ Liêm;

-

Chi cục THA

quận

Bắc Từ Liêm;

-

Lưu hồ sơ, văn phòng.

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán

-

Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Nga

A

trưởng thành và chị cũng thừa nhận quá trình ly hôn anh

H

có

đóng tiền họ

c cho con một, hai lần và xác định anh H

không có công việc ổn

định

; nhà chung cũng bán để chia và cũng đã giữ lại một phần để thực hiện

nghĩa vụ cấp dưỡng

ng nuôi con của anh H

.

Ngoài ngôi nhà là tài sản chung của

anh H

và chị T

cho thuê để thêm thu nhập, n

ay anh chị đã bán nên không còn

thu nhập và không có khoản thu nhập nào khác từ anh H

.

Tòa xác định với

mức chi phí cấp dưỡng 20.000.000đ/tháng n

uôi con của anh H

là quá cao,

không phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp

dưỡng và n

hu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng

cần phải điều chỉnh lại

để phù hợp với mức thu nhập thực tế cũng như phù hợp với hoàn cảnh hiện tại

c

ủa anh H

trong thờ

i điểm dịch bệnh C

ovid kéo dài.

Trong khi, a

nh H
tự
nguyện chi phí cấp dưỡng nuôi
cháu

A

là

3

.0

00.000đ

/tháng. Xét đây là số tiền

hợp lý

—

thích hợp đối với khoản thu chi từ phía anh H

nên

được chấp nhận

theo quy định tại khoản

2 Điều

u 116 Luật Hôn nhân và Gia đình

:

“Khi có lý do

chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do
các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải
quyết”.